TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **22/**2025/QĐST-DS	*B, ngày 09 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 61/2025/TLST - DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Văn D**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 221/34 đường Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Vũ Anh H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 39/9 đường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; *Văn bản uỷ quyền ngày 18/6/2024*.

- *Bị đơn:* Ông **Hoàng Trung T**, sinh năm 1978 và bà **Tô Thị Xuân T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 21 đường N, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Huỷ hợp đồng đặt cọc ngày 05/6/2024 giữa ông Hoàng Trung T và bà Tô Thị Xuân T với ông Hoàng Trung T.

2.2. Ông Hoàng Trung T và bà Tô Thị Xuân T có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Văn D số tiền đã nhận cọc 200.000.000 đồng vào tháng 12/2025.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí dân: Ông Hoàng Trung T và bà Tô Thị Xuân T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng 2.650.000 đồng. Ông Vũ Văn D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng 2.650.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004744 ngày 21/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, ông Vũ Văn D được nhận lại số tiền 2.650.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Văn Biên